

BÁO CÁO
Thường niên năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

1.1. Thông tin về công ty:

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301097524, đăng ký lần đầu ngày 08/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 05/01/2017.
- Vốn điều lệ: 30.741.000.000, đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 30.741.000.000, đồng
- Địa chỉ: Số 01, đường Nguyễn Thông, phường 9, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (028) 3846 6485. Số fax: (08) 3 8466 484.
- Website: www.ttthsaigon.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): TSG

1.2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn (TTTH ĐSSG) trải qua 40 năm truyền thống xây dựng và phát triển, với 6 lần được đổi tên và điều chỉnh chức năng nhiệm vụ, phù hợp, gắn liền với sự phát triển của Tổng công ty ĐSVN; cụ thể như sau:

a. Giai đoạn 1976 - 1979:

Đoạn Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn được thành lập theo quyết định số 107/TC-LĐTL ngày 28/4/1979 của Tổng cục Đường sắt, là đơn vị sản xuất cơ sở của Tổng cục Đường sắt; dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Quận Đường sắt 3 và sự lãnh đạo, chỉ đạo về kỹ thuật nghiệp vụ của Sở Thông tin tín hiệu Tổng cục đường sắt (TCDS).

b. Giai đoạn 1983 -1986:

Đoạn TTTH ĐS Sài Gòn được đổi thành Xí nghiệp TTTH số 5 theo Quyết định số 883/ĐS-TC ngày 30/11/1983 của Tổng cục Đường sắt phạm vi quản lý từ Sài Gòn đến nam ga Diêu Trì.

c. Giai đoạn từ tháng 4/1986 đến 1989:

- Xí nghiệp Thông tin tín hiệu số 5 được đổi thành Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 124/ĐS-TC ngày 1/4/1986 của Tổng cục Đường Sắt. Phạm vi quản lý kéo dài từ Sài Gòn đến đầu nam ga Lê Trạch (Quảng Bình), cụ thể: từ cột thứ dẫy số 133 khu gian Thạch Khê – Lê Trạch tới Tp. Hồ Chí

Minh với 81 ga và 1000 km đường dây thông tin

- Đến tháng 8/1987, tổ chức tiếp tục thay đổi và phạm vi quản lý trở lại như ban đầu (từ Sài Gòn đến nam ga Diêu Trì).

d. Giai đoạn 1989 đến 1998:

- Năm 1998, theo Quyết định số 882 ngày 17/4/1998 của Bộ GTVT, về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích; Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh được đổi tên thành Xí nghiệp TTTT ĐS Sài Gòn trực thuộc Liên hiệp ĐSVN được thành lập trên cơ sở chuyển đổi thành đơn vị sự nghiệp kinh tế.

- Xí nghiệp TTTT Đường sắt Sài Gòn là tổ chức sản xuất phục vụ, hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ, được mở tài khoản tại Ngân hàng, kho bạc Nhà nước, được sử dụng con dấu riêng.

e. Giai đoạn 1998 đến 2003:

- Xí nghiệp TTTT Đường sắt Sài Gòn theo Quyết định số 734 ngày 20/3/2003 của Bộ Giao thông Vận tải là đơn vị trực thuộc Liên hiệp ĐSVN.

f. Giai đoạn 2003 đến nay:

- Năm 2003, Xí nghiệp TTTT Đường sắt Sài Gòn được đổi tên thành Công ty Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn và đã được xếp hạng doanh nghiệp hạng I vào năm 2006.

- Công ty Thông tin tín hiệu ĐS Sài Gòn, đơn vị thành viên của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam được chuyển đổi thành công ty TNHH MTV TTTT ĐS Sài Gòn theo quyết định số 1209/QĐ-ĐS, ngày 24/09/2010 của Hội đồng thành viên TCT ĐS Việt Nam; Đây là bước chuyển đổi cơ bản, sâu sắc đối với các Doanh nghiệp Nhà nước trong việc thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp 2005;

- Ngày 08/01/2015, Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 64/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV TTTT Đường sắt Sài Gòn.

- Ngày 09/12/2015 Công ty đã tổ chức đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội số 236-238 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM với giá đấu thành công cao nhất: 10.100 đồng, giá đấu thành công thấp nhất: 10.100 đồng, giá đấu thành công bình quân: 10.100 đồng. Tổng số lượng cổ phần bán được: 67.500 cổ phần

- Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày ngày 19/01/2016 với số vốn điều lệ là: 30.741.000.000 đồng (Ba mươi tỷ bảy trăm bốn một triệu đồng chẵn).

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- **Ngành nghề kinh doanh:** Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống thông tin, tín hiệu đường sắt. Xây dựng lắp đặt thiết bị công trình thông tin viễn thông, tín hiệu giao thông; công trình đường dây truyền tải điện, trạm biến thế, công trình dân dụng, chiếu sáng. Xây dựng công trình giao thông, công trình dân dụng, công nghiệp. Tư vấn đầu tư và xây dựng chuyên ngành thông tin, tín hiệu, điện. Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt; Sản xuất vật liệu xây dựng, kết cấu thép chuyên ngành. Sản xuất kim loại màu và kim loại quý: sản xuất kết cấu thép chuyên ngành (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp); Kinh doanh dịch vụ viễn thông tin học. Đầu tư kinh doanh bất động sản. Kinh doanh dịch vụ khách sạn (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp). Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp). Du lịch: kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế. Dịch vụ thể thao: kinh doanh các hoạt động thể thao và giải trí thể thao gồm: câu lạc bộ bóng bàn, cầu lông, tennis. Dịch vụ bán đấu giá tài sản.

- **Địa bàn kinh doanh:** từ Tp. Hồ Chí Minh đến nam ga Diêu Trì thuộc tỉnh Bình Định (bao gồm Tp.HCM và các tỉnh: Bình Dương, Đồng Nai, Bình Thuận, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định) và trên toàn lãnh thổ Việt Nam

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị Công ty được tổ chức theo mô hình hoạt động của công ty cổ phần. Bao gồm:

+ Hội đồng quản trị : 03 người, trong đó có 01 chủ tịch và 02 thành viên. Ban Kiểm soát gồm 03 người, gồm một trưởng ban chuyên trách và 02 thành viên ban kiểm soát viên.

+ Ban điều hành : 3 người gồm (01 giám đốc và 02 phó giám đốc)

+ Các phòng: Kỹ thuật An toàn, Kế hoạch Vật tư, Tổ chức hành chính, Kinh doanh, Tài chính Kế toán.

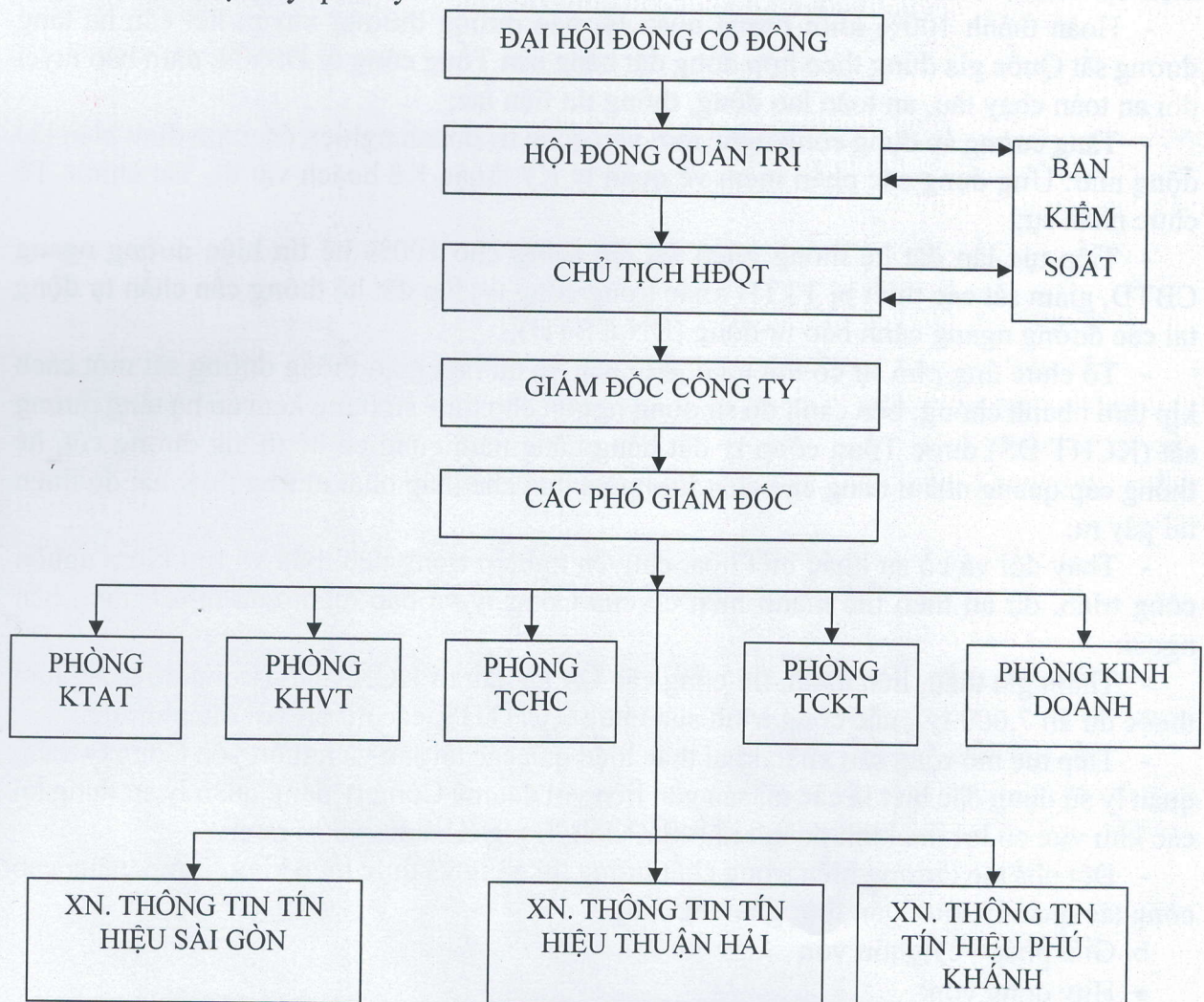
+ Các Chi nhánh:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn- Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Sài Gòn.

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn- Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Thuận Hải.

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn- Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Phú Khánh.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:



4. Định hướng phát triển

4.1. Trên cơ sở của tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh, quy mô các lĩnh vực hoạt động của Công ty sau khi cổ phần và nền tảng các nguồn lực hiện có. Công ty đưa ra kế hoạch:

- Xây dựng Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn phát triển bền vững, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có trình độ quản lý và công nghệ hiện đại, có khả năng cạnh tranh trên thị trường, tăng trưởng doanh thu hàng năm, tăng thu nhập đảm bảo đời sống cho người lao động; thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước, đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông; tham gia các hoạt động xã hội và có trách nhiệm với các hoạt động xã hội khi có yêu cầu;

- Sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả; trả cổ tức đúng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Đảm bảo hài hòa giữa lợi ích của Doanh nghiệp với lợi ích các cổ đông và người lao động.

4.2. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

a. Giải pháp sản xuất kinh doanh và đầu tư:

- Thường xuyên nắm bắt chủ trương của Chính phủ, Bộ giao thông vận tải, Ủy ban quản lý vốn và Tài sản Nhà nước, Tổng công ty đường sắt Việt Nam về việc ưu tiên tái cơ cấu phát triển ngành đường sắt, nhất là hệ thống tín hiệu đang được nhà nước đầu tư hiện đại hóa;

- Hoàn thành 100% khối lượng quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt Quốc gia đúng theo hợp đồng đặt hàng của Tổng công ty ĐSVN; đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu, an toàn lao động, thông tin liên lạc;

- Tăng cường áp dụng công nghệ mới vào quản trị doanh nghiệp để giảm định biên lao động như: Ứng dụng các phần mềm về quản lý Kỹ thuật, Kế hoạch vật tư, Tài chính, Tổ chức nhân sự;

- Tiếp tục lắp đặt hệ thống giám sát tập trung cho 100% hệ tín hiệu đường ngang CBTĐ, giám sát các thiết bị TTTT khác trong công ty; lắp đặt hệ thống cần chắn tự động tại các đường ngang cảnh báo tự động (ĐN CBTĐ);

- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt một cách kịp thời nhanh chóng; bên cạnh đó sử dụng nguồn cho thuê sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt (KCHT ĐS) được Tổng công ty đặt hàng hàng năm củng cố hệ thống đường cột, hệ thống cáp quang nhằm nâng cao chất lượng và hạn chế thấp nhất những thiệt hại do thiên tai gây ra;

- Thay đổi và có sự khác biệt hóa, chuyên nghiệp trong đấu thầu và tìm kiếm nguồn công trình, dự án theo thế mạnh hiện có của Công ty và đặc điểm của môi trường bên ngoài:

- Tham gia thầu, liên danh, thi công các Dự án đầu tư KCHT ĐS (trong đó trọng tâm thuộc dự án 7.000 tỷ), các công trình sửa chữa KCHTĐS, các dự án với địa phương...

- Tiếp tục mở rộng sản xuất, khai thác hiệu quả các tài sản và nguồn vốn Công ty đang quản lý sử dụng đặc biệt là các tài sản gắn liền với đất mà Công ty đang quản lý sử dụng tại các khu vực có lợi thế kinh doanh như Sài Gòn, Long Khánh, Nha Trang;

- Đột phá tạo thương hiệu trong chất lượng thi công và thực hiện khối lượng, nâng cao công tác quản lý, rút ngắn thời gian thi công.

b. Giải pháp về nguồn vốn

• Huy động vốn:

- Lựa chọn đối tác, hạn chế thi công các công trình, dự án có nguồn vốn không rõ

ràng; dự án chưa được bố trí vốn hoặc bố trí vốn nhiều năm khó thu hồi vốn;

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công, lắp đặt, nghiệm thu các công trình, dự án;
- Sau khi công trình đã hoàn thành nghiệm thu đẩy nhanh tiến độ thanh toán, thu hồi vốn đã ứng trước để thi công các công trình, dự án, hạn chế tối đa thời gian thanh toán kéo dài đối với các dự án XDCB dẫn đến nợ tồn đọng, nợ khó đòi;

- Hợp tác kinh doanh tạo nhiều nguồn vốn từ các đối tác và nguồn vốn xã hội hóa.

- Quản lý vốn:

- Bố trí cơ cấu vốn hợp lý, tận dụng tối đa nguồn vốn hiện có; sử dụng vốn hiệu quả.
- Đầu tư có trọng điểm, dùng các biện pháp nghiệp vụ để tăng nhanh tốc độ luân chuyển của nguồn vốn đầu tư; tăng luân chuyển các khâu hàng tồn kho, sản xuất và tiêu thụ.

- Thực hiện tạm ứng theo hợp đồng, thanh toán theo từng giai đoạn, tăng cường công tác thu hồi các khoản tiền vốn chưa được thanh toán. Đảm bảo thu hồi nhanh nhất các khoản nợ, nhất là các khoản nợ có xu hướng sắp hết hạn thanh toán. Xây dựng quy chế quản lý nợ, định kỳ phân loại nợ và xử lý trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định. Xây dựng quy chế tài chính, các quy định về định mức chi phí sản xuất và quản lý sản xuất.. .;

c. Giải pháp về nguyên vật liệu

- Xây dựng định mức nguyên vật liệu phù hợp với thực tế. Căn cứ vào hồ sơ Phương án giá bảo dưỡng thường xuyên KCHT ĐS, hồ sơ thiết kế công trình, định mức tiêu hao từng loại nguyên vật liệu để cấp đủ, cấp đúng chủng loại vật liệu cho từng công trình, hạng mục công trình; Lập kế hoạch cụ thể về số lượng, chủng loại, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật của từng loại nguyên vật liệu cho từng công trình, sản phẩm để chủ động về nguồn cung ứng, tránh thụ động làm ách tắc sản xuất kinh doanh; phối hợp đồng bộ từ khâu thiết kế, dự toán, cung ứng vật liệu và tổ chức thi công các công trình;

- Lựa chọn nguồn cung ứng nguyên vật liệu có chất lượng tốt, giá cả hợp lý;

- Ký hợp đồng cung ứng theo kế hoạch với bên cung ứng, linh động khâu thanh toán, giảm thời gian vận chuyển;

- Lập kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu hợp lý để đảm bảo đầy đủ nguyên vật liệu cho sản xuất, vật tư dự phòng giải quyết trở ngại, vật tư chuyên ngành.v.v.. nhưng không làm ứ đọng vốn.

d. Giải pháp về nâng cao năng lực về thiết bị, công nghệ, cơ sở nhà đất

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng những thiết bị hiện có để duy trì năng lực của thiết bị, tài sản, rà soát lại các thiết bị không sử dụng hoặc năng lực sử dụng thấp để bán, thanh lý thu hồi vốn; đầu tư công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng, không gây ô nhiễm môi trường;

- Rà soát nguồn lực hiện có, xây dựng phương án quản lý, sử dụng, khai thác hiệu quả, phát huy được tối đa tất cả các nguồn lực hiện có;

- Tích cực triển khai nghiên cứu ứng dụng, đầu tư đổi mới quản trị, công nghệ, đổi mới sản phẩm dịch vụ, từng bước nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm, đáp ứng tiêu chuẩn môi trường; thay thế dần các thiết bị, công nghệ tiêu tốn nhiều năng lượng, nguyên liệu để không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm; tiếp cận và từng bước làm chủ công nghệ và kỹ thuật xây dựng mới, tạo sản phẩm tiên tiến, tăng cường hiệu quả kinh doanh, phát triển bền vững;

- Có phương án kinh doanh hợp lý, hiệu quả các cơ sở nhà đất Công ty đang quản lý sử dụng;.

e. Giải pháp về lao động tiền lương

- Về chính sách lao động:

- Đảm bảo đủ số lượng và chất lượng lao động phù hợp với quy mô tổ chức sản xuất của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể;

- Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ kỹ thuật, quản lý bằng các biện pháp cụ thể: Gửi đi học các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước; tự học tập, học hỏi, đọc tài liệu...

- Xây dựng tiêu chuẩn viên chức chuyên môn nghiệp vụ gắn liền với các chức danh để tuyển dụng và bố trí cán bộ;

- Đưa ra các chính sách đãi ngộ thỏa đáng nhằm thu hút những cán bộ kỹ thuật, quản lý có trình độ chuyên môn cao; Công nhân kỹ thuật có trình độ lành nghề...;

- Về chính sách tiền lương

- Xây dựng đơn giá tiền lương trên cơ sở định mức lao động các chế độ hợp lý;

- Đối với lao động trực tiếp: xác định tiền lương theo từng đơn vị sản phẩm, hạng mục công việc đến từng tổ sản xuất và người lao động; áp dụng khoa học kỹ thuật và công cụ lao động liên tục để tăng năng suất lao động và giảm chi phí.

- Đối với lao động gián tiếp: Trả lương phù hợp với năng suất làm việc cụ thể của từng người xác định mức lương cụ thể cho từng phòng ban, cơ quan các Chi nhánh theo nhiệm vụ được giao;

- Có chế độ khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, trong kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty;

f. Giải pháp về mở rộng thị trường:

Công tác mở rộng thị trường được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tổ chức sản xuất, hoạt động SXKD và đề ra các giải pháp cụ thể như:

- Tập trung tìm kiếm các công trình, dự án đã được bố trí vốn;

- Nâng cao năng lực đấu thầu và năng lực cho bộ phận, cán bộ làm công tác đấu thầu, cán bộ nhân viên kinh doanh;

- Tiếp tục củng cố và giữ vững thị trường, địa bàn chính đã có và mở rộng các địa bàn trong cả nước, Tăng cường hợp tác bằng các hình thức liên danh liên kết với các công ty bạn, xây dựng mối quan hệ tốt với các đối tác tránh rủi ro trong tìm kiếm việc làm;

- Về ngắn hạn: đấu thầu và trúng thầu thực hiện thi công các công trình chống ảnh hưởng của đường dây điện lực sang hệ thống TTTH ĐS; Thi công xây dựng và sửa chữa các hệ thống TTTH đường ngang có gác và ĐN CBTĐ có cần chắn tự động thuộc công trình nâng cấp, cải tạo đường ngang biển báo thành đường ngang CBTĐ có cần chắn theo QĐ 994/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ; Dự án nâng cao năng lực đường sắt dự kiến 7.000 tỷ giai đoạn năm 2019-2021;

- Về dài hạn, Công ty tiếp tục tham gia đấu thầu, thi công các công trình phục vụ hiện đại hóa TTTH đường sắt, các gói thầu phục vụ nâng cấp kết cấu hạ tầng đường sắt; Tham gia thầu, thầu phụ các Dự án đầu tư KCHT ĐS, Dự án “Hiện đại hóa thiết bị TTTH Vinh - TP.HCM GD2. Các dự án về thông tin tin tín hiệu thuộc đường sắt nội đô TP. Hồ Chí Minh;

- Đột phá tạo sự chuyên nghiệp trong chất lượng thi công và thực hiện khối lượng, nâng cao công tác quản lý, rút ngắn thời gian thi công;

5. Các rủi ro:

- Rủi ro kinh tế: Sự biến động của nền kinh tế vĩ mô như: lạm phát, lãi suất,... ảnh hưởng trực tiếp đến công ty, đặc biệt khi doanh thu của công ty phần lớn phụ thuộc vào

hoạt động sản xuất công ích được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước. Nợ công Việt Nam ngày càng có xu hướng tăng cao, tuy vẫn nằm trong giới hạn cho phép của Quốc Hội, nhưng với tình hình nợ công cao sẽ dẫn tới eo hẹp ngân sách và nguồn vốn dành cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đường sắt ít nhiều bị ảnh hưởng.

- Rủi ro pháp lý: Các quy định của nhà nước thường xuyên thay đổi cho phù hợp với tình hình mới, đòi hỏi công ty phải cập nhật và đổi mới cho phù hợp.

- Rủi ro cạnh tranh: Hiện nay, sau khi có sự tái cấu trúc mạnh mẽ của nền kinh tế nói chung và sự tái cơ cấu của khối doanh nghiệp nhà nước nói riêng góp phần đổi mới cho nền kinh tế và đặt công ty trước sự cạnh tranh khốc liệt hơn, đòi hỏi công ty phải có sự tiếp cận và thay đổi về năng lực cạnh tranh.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	So sánh thực hiện/kế hoạch (%)
1	Doanh thu	113.548.000.000	116.563.443.825	102,65
2	Lợi nhuận trước thuế	6.480.000.000	7.087.500.000	109,37
3	Lợi nhuận sau thuế	5.400.000.000	6.080.446.891	112,60
4	Tỷ lệ cổ tức	12%	12%	100,00

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phạm Văn Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
2	Dương Ngọc Thắng	Phó Giám đốc
3	Đàm Ngọc Mẫn	Phó Giám đốc
4	Đỗ Đức Toan	Kế toán trưởng

2.1.1 Ông Phạm Văn Dũng:

- Ngày sinh: 06/8/1963 Giới tính: Nam
- Nơi sinh: Thanh Hà, Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ liên hệ: 41, đường số 41, Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7, Tp.HCM
- Số CMND: 024874649, Nơi cấp: TPHCM, Ngày cấp: 23/2/2008
- Điện thoại: 0903761641
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư tín hiệu Đường sắt, cử nhân kinh tế QTKD
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Sở hữu chứng khoán:
- + Sở hữu cá nhân: 25.800 Tỷ lệ: 0,84%
- + Sở hữu đại diện cho Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam: 1.164.600; Tỷ lệ: 37,88%.

2.1.2 Ông Dương Ngọc Thắng

- Ngày sinh: 07/7/1965 Giới tính: Nam
- Nơi sinh: Quảng Trị

- Tổ chức kiểm tra sát hạch luật lệ định kỳ, thi nâng bậc công nhân và nâng lương cho các đối tượng năm 2020; Phối hợp với trường Cao đẳng nghề đường sắt phía Nam tổ chức lớp sơ cấp TTTH cho công nhân mới tuyển và bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho công nhân duy tu bảo dưỡng thiết bị TTTH cho 37 học viên.

- Tổ chức tham quan du lịch trong cho hơn 120 lượt CNVNLD với số tiền trị giá hàng trăm triệu đồng, tất cả NLĐ trong công ty được khám sức khoẻ định kỳ và chuyên sâu. Các cá nhân, tập thể có thành tích trong đảm bảo an toàn chạy tàu, sáng kiến hợp lý hóa trong quản lý và sản xuất được khen thưởng động viên kịp thời. Thu nhập bình quân của NLĐ năm 2020 là 12,7 triệu đồng/người/tháng, tăng 4% so với năm 2019 (12,2 triệu đồng/người/tháng).

- Xây dựng và áp dụng hệ thống thang bảng lương mới, sắp xếp hệ số lương cho người lao động theo đúng chức danh, công việc đang đảm nhận bảo đảm đầy đủ quyền lợi cho người lao động yên tâm công tác.

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tăng, giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	89.890.036.345	92.178.810.624	+2,5
Doanh thu thuần	197.781.215.073	116.563.443.825	-41
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.538.662.540	4.715.275.169	-51
Thu nhập khác	227.273	2.477.961.325	+10.916
Chi phí khác	48.003.169	105.736.494	220,2
Lợi nhuận trước thuế	9.490.886.644	7.087.500.000	-25
Lợi nhuận sau thuế	7.583.108.681	6.080.446.891	-20
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%) (Năm 2020 dự kiến trả 12%)	15,9%	12%	

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020 so với năm 2019 đạt 59% (giảm 41%). Nguyên nhân chỉ tiêu sản xuất chính của năm 2020 được đặt hàng 100,05 tỷ đồng cao hơn so với năm 2019 là 95,3 tỷ đồng (tăng 5%) nhưng chỉ tiêu SXKD phụ năm 2020 Công ty tham gia xây dựng các gói thầu thuộc dự án nâng cấp đường sắt quốc gia và các công trình đảm bảo ATGT đường sắt với giá trị gần 200 tỷ đồng, do ảnh hưởng của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp đã ảnh hưởng đến việc thực hiện các công trình trong việc mua sắm vật tư, thiết bị trong và ngoài nước. Do vậy các công trình SXKD ngoài nhiệm vụ chính không thể xác định doanh thu năm 2020, hầu hết đang dở dang và hoàn thành vào năm 2021. Ngoài ra, các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ cũng bị ảnh hưởng do khách hàng không kinh doanh được trả lại mặt bằng hoặc Công ty phải giảm giá dịch vụ. Thu nhập khác gồm thanh lý TSCĐ hết thời hạn lưu hành 16.363.636 đồng và khoản phí quản lý nộp cấp trên năm 2016 Công ty đã chuyển thành Công ty cổ phần và không phải nộp.

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,49	1,46	

+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSNH – hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	1,32	1,26	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,55	0,68	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,25	1,32	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	21,4	8,56	(a)
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,8	5,22	(b)
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	18,9	15,33	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	8,4	6,6	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	4,8	5,2	

• **Đánh giá các chỉ tiêu tài chính của Công ty**

- **Nhóm chỉ tiêu khả năng thanh toán:**

Khả năng thanh toán ngắn hạn là năng lực đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán trong thời gian ngắn của công ty (trong thời hạn dưới 12 tháng kể từ ngày ghi nhận gần nhất trên bảng cân đối kế toán). Ngược lại, khả năng thanh toán dài hạn là năng lực đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán trên 12 tháng của công ty. Chỉ số đo lường khả năng thanh toán phổ biến nhất là thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh.

+ Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn năm 2020 (h1) của Công ty là: $1,46 > 1$, cứ 1 đồng nợ được đảm bảo bởi 1,46 đồng tài sản.

+ Hệ số khả năng thanh toán nhanh (h2) thể hiện tình hình tài chính ngắn hạn của Công ty, là thước đo sự lành mạnh của chính Doanh nghiệp. Nếu hệ số này càng cao thì khả năng thanh toán công nợ càng nhanh và ngược lại. Thông thường, hệ số thanh toán nhanh sẽ nằm ở 2 khoảng giá trị $h2 < 1$ và $h2 > 1$. Hệ số thanh toán nhanh $h2 \geq 1$ thì chứng tỏ khả năng thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn cao. Khi đó, Công ty không khó khăn nếu phải thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Ngược lại, nếu hệ số thanh toán nhanh < 1 thì Công ty sẽ không đủ khả năng thanh toán ngay lập tức toàn bộ khoản nợ ngắn hạn, hay nói cách khác Công ty sẽ vướng phải những khó khăn khi phải thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn.

Hệ số thanh toán nhanh năm 2020 của Công ty là 1,26

- **Nhóm chỉ tiêu cơ cấu vốn:**

+ Hệ số nợ phải trả / tổng tài sản (h3): Chỉ tiêu này nói lên trong tổng tài sản hiện có của công ty có bao nhiêu đồng do vay nợ mà có. Do vậy, hệ số này càng lớn và có xu hướng tăng chứng tỏ rủi ro tài chính càng tăng và ngược lại. Năm 2020 hệ số nợ/tổng tài sản của công ty thấp ($h3 = 0,68 < 1$) phản ánh khả năng tài chính của công ty lành mạnh, ít rủi ro. Mức độ bảo vệ dành cho các chủ nợ càng cao.

+ Chỉ tiêu hệ số nợ/vốn chủ sở hữu (Hdo): Trong Công ty Cổ phần nợ và vốn chủ sở hữu là hai nguồn tài chính cơ bản phục vụ SXKD của Công ty. Chỉ tiêu hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giúp nhà đầu tư xác định cơ cấu nguồn vốn của Công ty các khoản nợ chiếm tỷ lệ bao nhiêu phần trăm. Khi hệ số $Hdo > 1$ phản ánh tình hình tài chính của Công ty được đảm bảo bằng các khoản nợ. Ngược lại, khi $Hdo < 1$ chứng minh nguồn vốn của Công ty được tài trợ bởi chủ sở hữu. Hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu năm 2020 là 1,32 tăng so với năm 2019 là 1,25. Nợ chủ yếu trong Công ty là các khoản nợ NLD năm 2020 chi trả vào đầu năm sau (do đặc

thù của Công ty thực hiện nhiệm vụ công ích nên các dự án thường được Ngân sách Nhà nước thanh toán gia hạn sau khi kết thúc năm 30 ngày).

- **Hệ số vòng quay hàng tồn kho (Hlc):** Phản ánh chu kỳ sản xuất, sản phẩm sản xuất ra được tiêu thụ hết hoặc mua bán nhanh thì giá trị hàng tồn kho sẽ giảm hợp lý, do vậy hệ số vòng quay sẽ tăng và rủi ro tài chính sẽ giảm và ngược lại. Như vậy hệ số vòng quay hàng tồn kho càng lớn và có xu hướng tăng lên, thì số ngày cần thiết cho một vòng quay càng nhỏ, sản phẩm sản xuất ra được tiêu thụ ngay (đối với công ty là hoạt động bảo dưỡng cơ sở hạ tầng đường sắt và thi công xây dựng công trình) việc rút ngắn thời gian trong thi công (đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình) và thực hiện thanh toán nhanh sẽ là nhân tố giảm giá trị sản phẩm dở dang (hàng tồn kho), khi đó rủi ro tài chính càng giảm và ngược lại. Năm 2020 hệ số vòng quay hàng tồn kho là 8,60 phản ánh khả năng thi công xây dựng công trình, thủ tục nghiệm thu bàn giao khối lượng hoàn thành, công tác quản trị ở khâu sản xuất, tiêu thụ của công ty hiệu quả; Hlc năm 2020 (8,6) nhỏ hơn năm 2019 (21,40) do thủ tục mở thầu các công trình năm 2020 vào các tháng cuối năm, các dự án đang thi công dở dang nên hàng tồn kho lớn.

- **Chỉ tiêu khả năng sinh lời:** Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROA): Chỉ tiêu này phản ánh trình độ kiểm soát chi phí của công ty và tình hình phát triển thị trường. Hệ số khả năng sinh lời năm 2020 là 5,22 so với năm 2019 là 3,83

- **Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)** năm 2020 là 15,33; năm 2019 là 18,94 là cơ sở để các cổ đông tin tưởng vào lợi ích sẽ mang lại khi đã quyết định đầu tư vào Công ty.

4.2 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

4.2.1 Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 3.074.100 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông (không có cổ phần hạn chế chuyển nhượng)

4.2.2 Cơ cấu cổ đông:

Diễn giải	Yếu tố	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
Phân theo tỷ lệ sở hữu	x	3.074.100	100,00
Cổ đông lớn		2.329.200	75,77
Cổ đông nhỏ		744.900	24,23
Phân theo tổ chức, cá nhân	x	3.074.100	100,00
Cổ đông tổ chức		2.329.200	75,77
Cổ đông cá nhân		744.900	24,23
Phân theo yếu tố nước ngoài	x	3.074.100	100,00
Cổ đông trong nước		3.074.100	100,00
Cổ đông nước ngoài		0	0
Phân theo yếu tố nhà nước	x	3.074.100	100,00
Cổ đông nhà nước		2.329.200	75,77
Cổ đông khác		744.900	24,23

4.3 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

4.3.1 Quản lý nguồn nguyên liệu

Nguyên liệu phục vụ sản xuất của Công ty chủ yếu là vật liệu chuyên ngành được cung ứng bởi các nhà cung ứng có uy tín, thương hiệu trong và ngoài nước, có xuất xứ rõ ràng, trước khi đưa vào sản xuất được kiểm nghiệm theo quy định. Chi phí nguyên vật liệu, dịch vụ mua ngoài (điện nước, dịch vụ viễn thông) chiếm tỷ trọng từ 25% đến 30% trong tổng số

kết cấu chi phí. Công ty đang dần từng bước thay thế các thiết bị cũ bằng thiết bị mới với công nghệ mới sử dụng tiêu thụ ít năng lượng, thời gian sử dụng dài thân thiện với môi trường

4.3.2 Vật liệu, thiết bị thu hồi được tái chế sử dụng lại, loại không tái chế được thu hồi và bàn giao về Tổng công ty ĐSVN để xử lý tập trung và nộp cho ngân sách nhà nước.

4.3.3 Trách nhiệm của Công ty với xã hội

Với phạm vi quản lý trải dài hơn 650 km từ Tp.HCM đến Bình Định, hàng năm Công ty phối hợp tốt với các địa phương có đường sắt đi qua tuyên truyền, phổ biến pháp luật để bảo vệ an toàn giao thông, thiết bị đường sắt. Thực hiện công tác bảo trợ xã hội trong và ngoài Công ty.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện		Tỷ lệ % thực hiện so với	
				Kỳ báo cáo năm 2020	Cùng kỳ báo cáo 2019	Cùng kỳ năm trước	Kế hoạch
I	Sản lượng chủ yếu	Tr.đ	127.719	131.110	217.829	60,19	102,66
II	Tổng doanh thu	Tr.đ	116.108	119.191	198.026	60,19	102,66
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr.đ	113.548	116.563	197.781	58,94	102,66
2	Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đ	147	151	245	61,63	102,66
3	Thu nhập khác	Tr.đ	2413	2.477	0,2		102,66
III	Tổng chi phí	Tr.đ	107.068	112.104	188.535	59,46	104,70
1	Giá vốn	Tr.đ	82.273	86.143	164.528	52,36	104,70
2	Chi phí kinh doanh	Tr.đ	24.383	25.530	23.623	108,07	104,70
3	Chi phí tài chính/CP khác	Tr.đ	412	431	383,7	112,33	104,70
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	6.480	7.087	9.490	74,68	109,37
V	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	5.400	6.080	7.583	80,18	112,59
VI	Thu nhập BQ	tr/ng/tháng	12,5	12,7	12	105,8	101,60

Năm 2020, doanh thu và lợi nhuận đều đạt và vượt so với kế hoạch nhưng không bằng so với năm 2019 do tác động nghiêm trọng của đại dịch Covid-19 (phản ánh ở mục 4.1)

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Số tuyệt đối		Cuối kỳ/đầu kỳ (%)	Tỷ trọng (%)		
	Số đầu năm	Số cuối năm		Cuối năm	Đầu năm	Tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	74.353.852.622	78.907.163.628	106	83,5	82,7	0,8
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.966.529.494	21.625.315.936	545	22,9	4,4	18,5

Các khoản phải thu ngắn hạn	62.220.760.732	44.834.919.161	72	47,5	69,2	-21,8
Hàng tồn kho	8.166.562.396	11.949.982.180	146	12,6	9,1	3,6
TSNH khác		496.946.351				
Tài sản dài hạn	15.536.183.723	15.560.421.274	100	16,5	17,3	-0,8
Các khoản phải thu dài hạn	20.000.000	20.000.000	100			
Tài sản cố định	10.943.752.655	11.492.754.839	105	12,2	12,2	0
Tài sản dài hạn khác	4.572.431.068	4.047.666.435	89	4,3	5,1	0,8
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	89.890.036.345	94.467.584.902	105	100	100	0

2.2. Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Số tuyệt đối			Tăng (giảm) (%)
	Số cuối năm	Số đầu năm	Tăng (giảm)	
Nợ ngắn hạn	55.143.982.821	49.872.359.378	5.271.623.443	110,5
Nợ dài hạn	-	-	-	
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ	55.143.982.821	49.872.359.378	5.271.623.443	110,5

Do đặc điểm là Công ty cổ phần thực hiện nhiệm vụ công ích hàng năm được nhà nước đặt hàng với nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước nên thời gian thanh toán hàng năm thường được gia hạn đến 30/1 năm sau. Các khoản nợ phải thu của Công ty cũng được thu hồi với thời gian tương ứng và các khoản phải trả của Công ty được thực hiện trong tháng 01 năm sau. Các khoản nợ phải trả: Nợ người lao động về các khoản chi của năm 2020 trả vào tháng 1 năm 2021 và các khoản chủ đầu tư tạm ứng chi phí thi công các dự án, công trình và các dự án được chủ đầu tư tạm ứng để thi công công trình khoảng 30 tỷ đồng (gói 7000 tỷ và công trình theo quyết định 994 cc của Thủ tướng Chính phủ). Các khoản nộp ngân sách nhà nước của năm 2020 chi trả vào năm 2021

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Khi chuyển sang mô hình công ty cổ phần, Công ty đã có sự thay đổi về cơ bản trên tất cả các mặt theo xu hướng tinh giảm bộ máy tổ chức, sắp xếp mô hình quản lý và sản xuất theo hướng tập trung vào nhiệm vụ sản xuất chính là quản lý bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, sửa chữa và tham gia xây dựng các công trình đảm bảo ATCT, các dịch vụ khác ngoài sản xuất chính đã mang lại hiệu quả.

- Xây dựng, sửa đổi các quy chế quản lý phù hợp với Công ty cổ phần (quy chế quản lý tài chính, định mức chi phí sản xuất quản lý). Xây dựng hệ thống thang bảng lương mới, phù hợp với mô hình mới, góp phần thúc đẩy năng suất lao động.
- Công tác tuyển dụng ưu tiên nguồn nhân lực có tay nghề, kinh nghiệm.
- Tiết kiệm, quản lý chặt chẽ các chi phí sản xuất và quản lý sản xuất đúng định mức, đúng dự toán
- Tìm kiếm thị trường, tham gia các hoạt động SXKD khác ngoài hoạt động công ích
- Xây dựng phương án, khai thác có hiệu quả các cơ sở nhà đất
- Tăng cường công tác quản trị ở các khâu sản xuất, quản lý tại cơ sở cũng như toàn Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2020 tiếp tục những kết quả đã thực hiện được sau 5 năm thực hiện cổ phần hóa, hệ thống luật pháp đối với Công ty cổ phần đã đi sâu vào công tác điều hành, thực hiện trong Công ty. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của Công ty đại chúng đặc biệt là

quyền lợi của cổ đông. Tiếp tục phát triển SXKD để tăng doanh thu, lợi nhuận và thu nhập của NLĐ, Cổ tức của cổ đông hàng năm được chi trả từ 10% trở lên.

- Đứng trước những thách thức của giai đoạn mới, các công việc trọng tâm trong năm 2021 như sau:

+ Về tổ chức: Tiếp tục sắp xếp bộ máy đảm bảo tinh gọn, đa năng với mục tiêu đặt hiệu quả công việc lên hàng đầu, tăng cường công tác quản trị công ty

+ Về chi phí: Tiếp tục cải tiến, bổ sung hệ thống định mức chi phí, kế hoạch và kiểm soát chặt chẽ tất cả các chi phí vận hành, cắt giảm chi phí không cần thiết góp phần nâng cao lợi nhuận;

+ Về doanh thu: Tập trung đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh. Ngành nghề sản xuất chính vẫn là công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, ngoài ra Công ty tập trung vào 2 mảng tiềm năng là công trình dự án và kinh doanh dịch vụ. Đa dạng hóa marketing, nâng cao năng lực đấu thầu công trình dự án.

+ Về con người: thực hiện chính sách tuyển dụng mở, tuyển dụng dựa trên tiêu chí chất lượng lao động, thành thạo công việc, có kinh nghiệm và tay nghề cao.

+ Về công nghệ: áp dụng công nghệ vào việc quản lý, thay thế dần các công đoạn thủ công, tối đa việc sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý ở tất cả các khâu kỹ thuật, nhân sự, hành chính, tài chính kế toán, văn phòng Chi nhánh và các tổ sản xuất. Nâng cao chất lượng mạng LAN nội bộ Công ty, từ Công ty tới các tổ sản xuất nhằm đưa thông tin chỉ đạo thực hiện SXKD kịp thời, giảm chi phí đi lại, hội họp, tiết kiệm chi phí chung làm gia tăng lợi nhuận.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

1.1. Thực hiện nhiệm vụ kế hoạch và chỉ tiêu SXKD 2020:

- Doanh thu đạt 116,68 tỷ đồng, tăng 2,75% so với kế hoạch (trong đó doanh thu ngoài công ích đạt 16,62 tỷ).

- Tỷ trọng doanh thu ngoài công ích so với tổng doanh thu đạt 14,14%.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 7,087 tỷ đồng, tăng 5% so kế hoạch (đạt 86% so với năm 2019).

- Thu nhập bình quân: 12,7 triệu đồng/người/tháng. Tăng 4% so với năm 2019 (12,2 triệu đồng/người/tháng).

- Cổ tức: dự kiến trả tỷ lệ cổ tức/cổ phần 12%, đạt bằng kế hoạch đầu năm.

1.2 Thực hiện hoàn thành & vượt các chỉ tiêu Kỹ thuật chất lượng:

- Đảm bảo ATCT, ATLĐ, PCCN 100%

- Chất lượng duy tu thiết bị đạt: 99,63%, tăng 0,13% so với năm 2019 (chỉ tiêu $\geq 98,5\%$).

- Hiệu suất thiết bị thông tin tin hiệu đạt: 99,70%, tăng 0,25% so với năm 2019 (chỉ tiêu $\geq 99\%$), trong đó: HSKT^{TT} đạt: 99,81%, tăng 0,15% so với năm 2019 (chỉ tiêu $\geq 99\%$); HSKTTH đạt: 99,55%, giảm 0,15% so với năm 2019 (chỉ tiêu $\geq 99\%$); hiệu suất quản lý đạt: 99,73% tăng 0,51% so với năm 2019. Cụ thể

Trong năm 2020, toàn Công ty:

o Đường dây và thiết bị thông tin:

+ Giám đoạn thông tin : 01 vụ (tăng 01 vụ so với năm 2019);

+ Hư hỏng thiết bị: 18 vụ, (giảm 32 so với năm 2019).

- Thiết bị tín hiệu:
- + Chậm tàu: 02 vụ 28 phút, tăng 02 vụ và tăng 28 phút so với năm 2019 (chỉ tiêu ≤ 3 vụ, < 90 phút);
- + Phiếu đường: 01 phiếu, giảm 16 phiếu so với năm 2019;
- + Độ ổn định ĐN CBTĐ: 100%, bằng so với năm 2019 (chỉ tiêu $>99,95\%$).
- + Hư hỏng thiết bị: 60 vụ (giảm 32 vụ so với năm 2019).

1.3 Một số kết quả công tác nổi bật khác:

- Tổ chức thành công Đại hội đại biểu Đảng bộ Công ty lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 – 2025; Hội nghị NLD năm 2020 và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;
- Xây dựng, chỉ đạo và điều hành quyết liệt thực hiện các kế hoạch về quản lý, bảo dưỡng thường xuyên (tăng 2,75% so kế hoạch) và các thủ tục các dự án công trình (đã trúng thầu) 14/15 gói thầu dự án 7.000 tỷ (của Ban QLDA Đường sắt và Ban 85).
- Thực hiện bàn giao trạm biến áp các ga thuộc dự án HĐH TTTT đoạn Vinh-Sài Gòn tuyến đường sắt Thống Nhất, giai đoạn I (08 trạm thuộc tỉnh Khánh Hòa; Tổng cộng: đã bàn giao 16/18 trạm);
- Thực hiện các thủ tục vốn tín dụng với các ngân hàng, mở tài khoản mới tại ngân hàng BIDV để phục vụ dự án 7.000 tỷ.

1.4 Xác định nhiệm vụ trọng tâm năm 2021

- Hoàn thành 100% công tác quản lý bảo dưỡng SCTX, thực hiện các dự án công trình đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả (trong đó trọng tâm thuộc dự án 7.000 tỷ), các công trình sửa chữa KCHTĐS, các công trình, dự án với địa phương...
- Phân đấu tổng doanh thu thực hiện 128,5 tỷ (tăng 10% so với thực hiện 2020). Tỷ trọng doanh thu ngoài công ích so với tổng doanh thu là 20,5%.
- Phối hợp kinh doanh có hiệu quả các khu vực có mặt bằng nhà đất trong Công ty.
- Đẩy mạnh công tác gia công sản xuất phụ kiện thông tin tín hiệu chuyên ngành.
- Đảm bảo ATCT và quản lý tốt thiết bị; thực hiện tốt 02 chương trình kỹ thuật: Nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo chất lượng, độ hoạt động ổn định đường ngang cảnh báo tự động; Củng cố hệ thống Thông tin tín hiệu chạy tàu các ga. Nghiên cứu, áp dụng các phần mềm cho hoạt động quản lý thiết bị, quản trị toàn diện và quản lý điều hành, xử lý văn bản hành chính điện tử (tương tự E – office). Thực hiện 1 đề tài KHCN cấp TCT ĐSVN, 1-2 đề tài cấp Công ty và nhiều ý tưởng, sáng kiến hợp lý sản xuất.

1.6 Xây dựng cơ chế, công tác quản lý, quản trị doanh nghiệp

- Thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật đối với công ty đại chúng
- Quản lý tốt công tác liên quan đến cổ đông
- Xây dựng, có kế hoạch cụ thể điều chỉnh quy định, hoàn thiện cho Công ty cổ phần
- Xây dựng chỉnh sửa ban hành các tài liệu thuộc hệ thống quản lý chất lượng
- Xây dựng ban hành các kế hoạch cho hoạt động của Công ty năm 2021
- Thực hiện tốt, kịp thời công tác kế toán quản trị, quản trị tài chính trong và sau khi lập BCTC hàng quý, năm.
- Hệ thống định mức sử dụng, tiết kiệm chi phí, khoán phù hợp

1.7 Đánh giá tác động của môi trường và xã hội

Công ty luôn luôn xác định xây dựng đơn vị phát triển bền vững, có trách nhiệm với môi trường và xã hội thể hiện trong công tác đảm bảo an toàn chạy tàu, an toàn thiết bị. Các phế liệu từ sản xuất được thu hồi xử lý tập trung, nộp TCT ĐSVN không gây ảnh hưởng đối với môi trường, xã hội. Trong quá trình thi công dự án, vận hành thiết bị, thực hiện nghĩa vụ đối với địa phương và Nhà nước theo quy định pháp luật...

1.8 Công tác tổ chức bộ máy quản lý:

Bộ máy công ty đã được tinh gọn hơn theo xu hướng giảm lao động, bố trí hợp lý. Các phòng ban cũng được bố trí lại theo chức năng quản lý, bảo dưỡng SCTX, SXKD, dịch vụ do vậy đã khai thác tối đa mọi nguồn lực hiện có trong đó các hoạt động dịch vụ của Công ty đã mang lại hiệu quả hơn những năm trước.

a. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Năm 2020, Ban Giám đốc đã nỗ lực điều hành vừa đảm bảo nhiệm vụ quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, đảm bảo an toàn chạy tàu, an toàn thiết bị. Ban Giám đốc đã đáp ứng được các yêu cầu ngày càng cao đối với việc điều hành tổ chức sản xuất kinh doanh.

- Hội đồng Quản trị thường xuyên giám sát hoạt động, điều hành của Ban Giám đốc đảm bảo thực hiện đúng pháp luật, các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên và Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị chú trọng công tác quản trị tài chính, đảm bảo an toàn chạy tàu, chỉ đạo chuẩn hóa các Quy trình, Quy chế quản trị, Quy định, tăng cường giám sát việc thực hiện các Quy chế Quy định này trong hoạt động của Công ty.

- Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch và đúng quy định của pháp luật. Với tinh thần trách nhiệm cao, Ban Giám đốc Công ty đã chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình kỹ thuật trọng tâm và các kế hoạch chi phí bảo dưỡng thường xuyên, lao động, quỹ lương, bảo hộ lao động, giáo dục đào tạo, quỹ phúc lợi... và các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ thực tế trên cơ sở thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

- Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Giám đốc và Ban Giám đốc được thực hiện thông qua các kết luận, các ý kiến trao đổi trực tiếp, báo cáo, giải trình kết quả thực hiện kế hoạch SXKD của Ban Giám đốc và các cán bộ tham mưu về kết quả hoạt động tại các phiên họp định kỳ, các Hội nghị giao ban tháng, Quý (12 cuộc họp giao ban định kỳ).

- Giám sát thông qua việc xem xét, xử lý các thông tin từ các báo cáo của Ban kiểm soát; báo cáo tài chính, kết luận của hoạt động kiểm toán, các đoàn kiểm tra quyết toán nguồn, kiểm tra giám sát hoạt động của Người đại diện phần vốn.

- Thường xuyên giám sát, yêu cầu Ban Giám đốc xem xét kiểm soát chặt chẽ kế hoạch chi phí, kiểm soát công nợ, kiểm soát tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

5. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Thực hiện nhiệm vụ năm 2021, HĐQT xác định một số trọng tâm hoạt động của Công ty như sau:

- Tiếp tục tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2021.

- Tăng cường công tác dự báo, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, tài chính,

đảm bảo an toàn, hiệu quả.

- Chỉ đạo quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí.
- Tiếp tục tìm kiếm cơ hội hợp tác để phát triển SXKD, mở rộng lĩnh vực hoạt động của Công ty kết hợp nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng yêu cầu của khách hàng.
- Chỉ đạo Ban Điều hành tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính sách đối với người lao động. Tuyển dụng, đào tạo có điều kiện, bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tăng cường kiểm tra tuân thủ an toàn trong sản xuất, minh bạch trong hoạt động công bố thông tin, tuân thủ pháp luật.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu	Ghi chú
1	Uông Nhật Phương	Chủ tịch HĐQT	12.900	Thành viên không điều hành
2	Phạm Văn Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	25.800	Thành viên điều hành
3	Lê Đức Dũng	Thành viên HĐQT	21.100	Thành viên không điều hành

b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

c) Các hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức 14 cuộc họp để thông qua các nội dung chủ yếu sau:

- Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2020
- Phê duyệt công tác cán bộ; công tác nhà, đất
- Phê duyệt thực hiện đầu tư, mua sắm tài sản cố định
- Thông qua phương án vay vốn tín dụng phục vụ SXKD
- Thông qua và quyết định ban hành các quy chế nội bộ Công ty
- Quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động, quỹ lương kế hoạch và kế hoạch chi phí quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt năm 2020

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm: không có

2. Ban kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu	Ghi chú
1	Đoàn Duy Khang	Trưởng Ban	2.000	Miễn nhiệm ngày 25/5/2020
2	Trần Thị Ánh Hoa	Trưởng Ban	3.900	Bắt đầu từ ngày 25/5/2020
3	Phạm Hà Lan Viên	Thành viên	3.000	Nhân viên Trạm kiểm tu – XN TTTH Sài Gòn

4	Thân Trọng Thảo Vy	Thành viên	3.800	Nhân viên văn phòng XN TTTH Sài Gòn
---	--------------------	------------	-------	--

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

- Năm 2020, Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp và tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, giao ban sản xuất kinh doanh hàng tháng do Giám đốc Công ty chủ trì
- Giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế của Công ty
- Giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2019; kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020; việc chi trả tiền lương, thù lao cho người lao động và người quản lý Công ty
- Giám sát việc xây dựng, ban hành, sửa đổi các quy chế, quy định quản trị nội bộ phù hợp với pháp luật hiện hành
- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm của Công ty

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

“Theo ý kiến của chúng tôi báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”

2. Số liệu báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán

- Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính và Kiểm toán Nam Việt và được Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn công bố thông tin theo quy định của pháp luật, đồng thời đăng tải trên website: www.ttthsaigon.vn

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE**

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các TV HĐQT; (Mạng, VB)
- Ban KS; (Mạng, VB)
- Giám đốc Cty; (Mạng, VB)
- Websites Công ty; (CBTT)
- Lưu VT, TCKT.



Phạm Văn Dũng